

5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 7 năm 2022	Ước tính tháng 8 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2022	Tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	4.773,86	4.863,56	34.613,57	199,04	120,99
Lương thực, thực phẩm	2.754,88	2.806,49	20.733,56	165,76	129,57
Hàng may mặc	273,26	280,20	1.921,83	388,29	123,74
Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	505,54	513,53	3.535,05	240,01	101,91
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	52,35	53,15	345,41	618,73	142,30
Gỗ và vật liệu xây dựng	346,57	352,60	2.381,85	237,57	104,46
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	16,09	16,88	99,13	343,27	109,64
Phương tiện di lại (trừ ô tô, xe ca phụ tùng)	92,86	94,32	647,96	257,21	87,40
Xăng, dầu các loại	326,71	334,42	2.099,98	296,66	133,89
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	105,32	106,66	766,04	260,17	121,09
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	95,37	96,72	678,14	305,69	100,48
Hàng hóa khác	135,47	137,32	925,81	265,20	105,94
Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	69,43	71,26	478,80	250,29	99,65